

DANH MỤC TÀI SẢN LÀ VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU THU HỒI SAU PHÁ DỠ

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà phơi (C1)			
1.1	Mái tôn	m2	200.259	
1.2	Kết cấu sắt thép	tấn	2.162	
2	Nhà chứa hóa chất vật tư y tế (C2)			
2.1	Mái tôn	m2	309.744	
2.2	Cửa	m2	92.76	
2.3	Kết cấu sắt thép	tấn	1.35648	
3	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khối nhà khoa dược (tháo dỡ 1 phần) (C3)			
3.1	Mái tôn	m2	95.8	
3.2	Cửa	m2	61.6	
3.3	Kết cấu sắt thép	tấn	0.294	
4	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà giặt - khoa dinh dưỡng - căn tin (C4-C9)			
4.1	Mái tôn	m2	887.76	
4.2	Cửa	m2	163.96	
4.3	Vách kính	m2	5.28	
4.4	Kết cấu sắt thép	tấn	2.886	
5	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ hành lang nổi (C5)			
5.1	Mái tôn	m2	363.496	
5.2	Kết cấu sắt thép	tấn	0.704	
6	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (C6)			
6.1	Mái tôn	m2	247.5	
6.2	Hệ lan can, lam thoáng	m2	130.47	
6.3	Cửa	m2	143.18	
6.4	Vách kính	m2	19.98	
6.5	Kết cấu sắt thép	tấn	0.684	
7	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ khối nhà trung tâm oxy (C7)			
7.1	Vách tôn	m2	44.88	
7.2	Cửa	m2	20.6	
8	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt HOVAL MZ (C11)			
8.1	Mái tôn	m2	50.908	
8.2	Cửa	m2	66.24	
8.3	Kết cấu sắt thép	tấn	2.866	
9	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt TS20 (C12)			
9.1	Mái tôn	m2	35.364	
9.2	Cửa	m2	12.12	
9.3	Kết cấu sắt thép	tấn	0.486	
10	Vật liệu thu hồi sau phá dỡ nhà chứa lò đốt CHUWASTAR (C13)			
10.1	Mái tôn	m2	63.505	
10.2	Ô cửa lưới thép B40	m2	22.88	
10.3	Cửa	m2	6.16	

10.4	Kết cấu sắt thép	tần	0.24	
------	------------------	-----	------	--